

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN
CÔNG TY TNHH MTV
MST: 0 3 0 3 1 5 8 1 5 5**

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
3.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
	- Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

1- Khái quát về Công ty

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 24/10/2013, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 26/06/2025 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Hoạt động in ấn: in trên giấy, bao bì, văn hóa phẩm các loại (báo chí, vé sổ, nhãn hàng hóa, sách giáo khoa). Kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, phụ tùng, trang thiết bị ngành in. Sản xuất, sửa chữa, bảo trì, tân trang và kinh doanh các máy móc cơ khí ngành in. Đúc chữ, chế bản in. Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm băng từ, đĩa hình như băng cassette, băng video, đĩa CD, VCD. Kinh doanh vật phẩm văn hóa các loại. Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mỹ thuật như gỗ chạm, sơn mài, gốm sứ, ... Sản xuất phim nhựa, phim video các thể loại. Hoạt động chiếu bóng và phát hành phim. Sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nhiếp ảnh như giấy ảnh, phim chụp, máy ảnh, dịch vụ chụp hình. Xuất nhập khẩu các sản phẩm văn hóa. Hoạt động quảng cáo và dịch vụ quảng cáo. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Hoạt động in ấn: in tờ gấp, tờ quảng cáo, catalogue, tạp chí và các chất liệu in khác. Gia công cắt giấy cuộn. Vận chuyển máy móc thiết bị cơ khí ngành in. Mua bán trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hàng điện tử, kim khí điện máy. Sản xuất đĩa DVD (có nội dung được phép lưu hành), linh kiện sản xuất băng, đĩa nhạc. Lắp ráp hàng điện tử, kim khí điện máy. Mua bán quần áo may sẵn trẻ em, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, đồ nhựa các loại, thủy tinh các loại. Mua bán, sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm công nghệ, hóa mỹ phẩm, đồ dùng trẻ em, đồ dùng gia đình, thiết bị văn phòng. Sản xuất mua bán nhựa, hạt màu và bao bì nhựa các loại (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, chất tẩy rửa tại trụ sở). Mua bán rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý ký gởi hàng hóa. Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh). Phục vụ cà phê sách – tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp – nhạc jazz và nhạc dân gian Việt Nam (hoạt động tại số 28 Lê Lợi, P. Bến Nghé, Q.1). Bán tranh hội họa. Xuất bản các xuất bản phẩm theo quyết định số 01/QĐ-BVHTT ngày 04/01/2005 của Bộ Văn Hóa Thông Tin. Thiết kế tạo mẫu. Cho thuê văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Nhà hàng ăn uống (tại số 40 Ngô Đức Kế, P. Bến Nghé, Q.1, không kinh doanh rượu).

Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành). Kinh doanh khách sạn (phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh khách sạn tại trụ sở). Xây dựng nhà các loại. Bán buôn văn phòng phẩm. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ, đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Hoạt động phục vụ hôn lễ (trừ môi giới kết hôn).

Trụ sở chính của Công ty: 88 Trần Đình Xu, P.Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn
- Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In Tp. Hồ Chí Minh
- Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
- Trung tâm văn hóa Tân Định
- Cây sứ quán Phong Cua
- Cửa hàng ảnh màu photo Lập
- Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc nêu trên.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV

88 Trần Đình Xu, P.Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV và công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:

• TK USD số 6222201001057	tại Agribank - CN Quận 5
• TK JPY số 6222201001483	tại Agribank - CN Quận 5
• TK EUR số 6222201006832	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 6222201001011	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 112000005358	tại Vietinbank - CN1
• TK USD số 112000196616	tại Vietinbank - CN HCM
• TK VND số 14510000040126	tại BIDV - CN 30/04
• TK VND số 6222201009401	tại NH NN & PT Nông Thôn - CN Quận 5
• TK VND số 5371171756378	tại NH MB - PGD Nguyễn Trị Phương
• TK VND số 6222201002095	tại Agribank - CN Quận 5
• TK VND số 112000006101	tại Vietinbank - CN3

3- Các sự kiện trong năm tài chính , các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có

4- Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên Hội đồng thành viên đang tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông: Nguyễn Hồng Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông: Trương Văn Hiền	Thành viên HĐQT
Ông: Phạm Thanh Việt	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trương Văn Hiền	Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Hoạch	Phó Tổng giám đốc
Bà: Phạm Thị Thu Ba	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm Soát đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trần Vương Tú	Kiểm soát viên
--------------------	----------------

5- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2025 (Đơn vị tính : VND)

- Tổng thu nhập	:	133.986.578.298
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	7.696.960
- Tổng chi phí và giá vốn	:	127.392.885.786
- Lãi/(lỗ) trước thuế	:	6.585.995.552
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	2.893.125
- Lãi/(lỗ) sau thuế	:	6.583.102.427



88 Trần Đình Xu, P.Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban giám đốc công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Giám Đốc



Ngày 14 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14. Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462 - 0988 959 819 - 0919 176 727

Fax: (84.28) 3589 7464

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số: 05625/TDK-KT

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 từ 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn
Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV (sau đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập ngày 14/03/2026 từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Trụ sở chính : Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.3589 7464

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.365 1818 Fax: 236 365 1868

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 9440

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 264



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.450.720.995	205.752.195.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	44.983.316.734	27.012.010.744
1. Tiền	111		13.983.316.734	12.012.010.744
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.962.304.527	111.032.262.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	78.093.898.305	80.585.599.743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.05	1.019.238.653	1.014.494.740
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	42.106.549.125	53.514.996.939
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.03	(36.257.381.556)	(24.082.828.723)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	66.732.750.535	59.900.366.460
1. Hàng tồn kho	141		66.995.977.307	60.163.593.232
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(263.226.772)	(263.226.772)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.772.349.199	7.807.555.724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	80.483.193	6.033.147.016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	11.691.866.006	1.774.408.708
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số		31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		644.463.445.566	671.285.423.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.483.589.657	19.509.783.823
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	79.596.960	79.596.960
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.05	16.565.316.210	16.565.316.210
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.06	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	2.838.676.487	2.864.870.653
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		425.478.347.557	443.111.906.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	425.452.592.045	443.052.774.707
- Nguyên giá	222		662.468.698.240	665.017.601.097
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(237.016.106.195)	(221.964.826.390)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.755.512	59.131.796
- Nguyên giá	228		210.885.000	210.885.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(185.129.488)	(151.753.204)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		335.720.000	1.585.720.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	335.720.000	1.585.720.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	149.671.345.646	149.671.345.646
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		141.620.155.646	141.620.155.646
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.751.190.000	15.751.190.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300.000.000	300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49.494.442.706	57.406.667.598
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	49.494.442.706	57.406.667.598
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
Lợi thế thương mại			-	-
Hao mòn lũy kế lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		852.914.166.561	877.037.619.197

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		429.244.141.609	456.376.844.022
I. Nợ ngắn hạn	310		20.378.379.132	31.795.501.758
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	4.338.972.005	5.160.081.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	138.320.000	52.999.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	997.165.960	930.063.096
4. Phải trả người lao động	314		5.414.247.097	6.653.632.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		305.260.000	283.602.667
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.322.179.898	2.801.788.266
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	9.630.511.870
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.862.234.172	6.282.823.118
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		408.865.762.477	424.581.342.264
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.200.000	4.200.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	134.006.855.526	139.218.162.103
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	274.355.337.578	284.561.744.124
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		(29.328.000)	(29.328.000)
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		528.697.373	826.564.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		423.670.024.952	420.660.775.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	423.670.024.952	420.660.775.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		394.167.633.424	394.167.633.424
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		263.230.853	263.230.853
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.399.769.699	22.868.118.564
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.839.390.976	3.361.792.334
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		852.914.166.561	877.037.619.197

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH



TRƯƠNG VĂN HIỀN

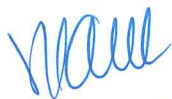
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	102.143.835.688	95.710.015.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.696.960	69.967.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.136.138.728	95.640.048.066
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	41.900.471.574	41.186.130.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.235.667.154	54.453.917.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	17.099.844.242	22.077.580.255
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	317.651.888	1.001.500.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		301.811.888	974.172.785
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				
9. Chi phí bán hàng	25	VI.07	3.146.744.871	4.079.909.559
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	80.248.941.942	72.523.294.764
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.377.827.305)	(1.073.207.420)
12. Thu nhập khác	31	VI.05	14.742.898.368	6.310.508.065
13. Chi phí khác	32	VI.06	1.779.075.511	26.643.388
14. Lợi nhuận khác	40		12.963.822.857	6.283.864.677
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.585.995.552	5.210.657.257
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.893.125	16.058.463
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.583.102.427	5.194.598.794
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	70			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71			

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		71.035.400.707	74.566.401.959
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(34.106.745.595)	(46.925.028.972)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.543.096.461)	(14.355.622.454)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(301.811.888)	(681.457.612)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.950.395)	(105.001.193)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		55.460.458.285	46.986.146.099
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(72.952.400.330)	(54.923.270.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.584.854.323	4.562.167.326
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(202.200.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		816.600.000	71.640.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.151.586.583	25.530.194.759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.765.986.583	25.901.835.668
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(24.405.224.084)
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.481.946.325	14.363.771.600
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.112.458.195)	(23.556.890.186)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.817.004.096)	(876.653.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.447.515.966)	(34.474.996.230)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		17.903.324.940	(4.010.993.236)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.012.010.744	31.011.654.494
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		67.981.050	11.349.486
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70		44.983.316.734	27.012.010.744

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

Kế Toán Trưởng

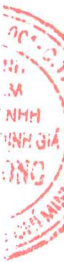
Tổng Giám Đốc



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH



TRƯƠNG VĂN HIỀN



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn là doanh nghiệp nhà nước (từ tháng 1 đến tháng 8/2010); là Công ty TNHH MTV (từ tháng 9 đến tháng 12). Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000014 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2003, đăng ký thay đổi số 0303158155 ngày 23/08/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 26/06/2025 do Sở kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, gia công, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh giấy in, mực in, vật tư, thiết bị ngành in, hoạt động in ấn, sửa chữa máy móc...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con: Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - + Công ty CP Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty CP Truyền Thông Điện Ảnh Sài Gòn
 - + Công ty CP In số 4
 - + Công ty CP In số 7
 - + Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu
 - + Công ty TNHH Hakuhodo - Sac
 - + Công ty TNHH Hakuhodo Việt Nam
 - + Công ty CP Bao Bì Vafaco
 - + Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM
 - + Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn
 - + Công ty CP In Gia Định
 - + Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn
 - + Công ty CP In Vườn Lài
 - + Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh
 - + Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn
 - + Công ty TNHH Quả Cầu Vàng
 - + Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
 - + Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
 - + Công ty Xuất Nhập Khẩu Ngành In Tp.Hồ Chí Minh
 - + Trung tâm văn hóa Tân Định
 - + Cửa hàng ảnh màu photo Lập
 - + Cây sứ quán Phong Cua
 - + Trung tâm dịch vụ giải trí Lê Lợi

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH MTV và công ty con - Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính có thể so sánh được theo quy định của Luật kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm 2025 bắt đầu từ ngày 01/01/2025 kết thúc vào ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Các tài sản hữu hình khác	04 - 07 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

12.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

13.1. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15. Các loại thuế khác

Các loại thuế khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau theo từng thời kỳ có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

16.2. Các bên liên quan

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2025

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
- Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	1.649.766.507	1.671.331.918
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	11.263.975.028	9.339.040.437
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	1.069.575.199	1.001.638.389
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	31.000.000.000	15.000.000.000
- Cộng	44.983.316.734	27.012.010.744

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam

TK số 6222201001011 tại Agribank (CN Quận 5)	2.720.894.713
TK số 112000005358 tại Vietinbank (CN 1 HCM)	6.095.177.919
TK số 14510000040126 tại BIDV - CN 30/04	83.867.480
TK VND 6222201002095 tại Agribank	1.620.719.589
TK số 6222201009401 tại Agribank - CN Q.5	327.837.953
TK số 5371171756378 tại ngân hàng MB - PGD Nguyễn Trị Phương	385.596.307
TK số 112000006101 tại Vietinbank	19.610.576
TK số 39977687 101 tại ACB	10.270.491
Cộng	11.263.975.028

Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng ngoại tệ

TK số 6222201001057 Tại Agribank (CN Quận 5)	722.654.429 #	27.712,33 USD
TK số 6222201006832 Tại Agribank (CN Quận 5)	317.307.453 #	10.452,53 EUR
TK số 6222201001483 Tại Agribank (CN Quận 5)	5.948.700 #	36.235 JPY
TK số 112000196616 Tại Vietinbank (CN HCM)	23.664.617 #	907,49 USD
Cộng	1.069.575.199	

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Vốn góp liên doanh	141.620.155.646	8.000.000.000	133.620.155.646	141.620.155.646	8.000.000.000	133.620.155.646
Công ty CP Vật Phẩm Văn Hóa Sài Gòn	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-
Công ty CP Truyền Thông Điện Ảnh Sài Gòn	29.095.730.646	-	29.095.730.646	29.095.730.646	-	29.095.730.646
Công ty CP In số 4	5.400.000.000	-	5.400.000.000	5.400.000.000	-	5.400.000.000
Công ty CP In số 7 (*)	27.000.000.000	-	27.000.000.000	27.000.000.000	-	27.000.000.000
Công ty TNHH TMDV VH Minh Châu	4.608.000.000	-	4.608.000.000	4.608.000.000	-	4.608.000.000
Công ty TNHH Hakuhodo - Sac	5.943.120.000	-	5.943.120.000	5.943.120.000	-	5.943.120.000
Công ty TNHH Hakuhodo Việt Nam	3.468.195.000	-	3.468.195.000	3.468.195.000	-	3.468.195.000
Công ty CP Bao Bì Vafaco	1.890.000.000	-	1.890.000.000	1.890.000.000	-	1.890.000.000
Công ty CP Phát hành sách Tp.HCM (*)	40.740.310.000	-	40.740.310.000	40.740.310.000	-	40.740.310.000
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	6.300.000.000	-	6.300.000.000	6.300.000.000	-	6.300.000.000
Công ty CP In Gia Định	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty CP Quảng cáo Sài Gòn	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP In Vườn Lài	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha - Tây Ninh	2.274.800.000	-	2.274.800.000	2.274.800.000	-	2.274.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.751.190.000	-	15.751.190.000	15.751.190.000	-	15.751.190.000
Công ty CP Mỹ Thuật Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000
Công ty TNHH Quả Cầu Vàng	13.104.000.000	-	13.104.000.000	13.104.000.000	-	13.104.000.000
Công ty CP Sách & DV VH Tây Đô	2.547.190.000	-	2.547.190.000	2.547.190.000	-	2.547.190.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Trái phiếu dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	600.000.000	-	600.000.000



TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Phải thu của khách hàng

3.1. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Văn phòng Tổng Công ty	21.982.274.155	21.247.359.631
CN Công ty TNHH Hãng Phim Việt (TP.HN)	651.484.972	720.597.979
Công ty CP Dịch vụ Điện Tử Việt	143.771.772	503.519.331
Công Ty CP Phát triển Bất động sản HI TIEN LAND	3.193.379.674	3.193.379.674
Công ty TNHH TMDV Phụng Sơn	608.998.840	608.998.840
Công ty TNHH TM Bách Tùng	10.986.490.982	10.986.490.982
Công ty cổ phần Em Ka	1.003.945.250	1.003.945.250
Công Ty TNHH Phan Thanh	645.843.541	645.843.541
Công ty Cho thuê tài chính MTV Quốc Tế Chailease		1.033.654.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.748.359.124	2.550.930.034
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	9.931.153.932	13.360.798.374
Công ty CP SX & PT TM Hà Anh	599.539.863	599.539.863
NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh	590.254.776	675.371.520
Ông Bành Minh Khương	759.541.900	759.541.900
Công ty TNHH MTV NXB Nông Nghiệp	244.616.250	244.616.250
Công ty TNHH Quảng Cáo Mộc An	295.749.500	299.624.500
Công ty TNHH TM & DV In Quảng Cáo Minh Trí	840.219.620	840.219.620
Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản	390.610.620	622.639.440
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	884.681.000	884.681.000
Công ty CP Thiên Minh Book	730.517.000	968.317.000
Công ty TNHH SX TM & DV Vạn An	264.371.097	264.371.097
Công ty CP Sách Văn Hóa Phẩm Miền Nam	485.761.198	808.964.335
Công ty CP In Trần Phú	248.089.500	864.463.344
Công ty CP Hệ thống Lọc Tài	261.592.258	261.592.258
Công ty CP DV TM & Quảng Cáo Sta	413.163.268	413.163.268
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	371.273.352	371.273.352
Công ty CP Tri thức Văn Hóa Sách Việt Nam	109.206.122	410.396.652
Khách Hàng Khác	2.441.966.608	4.072.022.975
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	45.924.470.214	45.757.441.738
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tân Chí Bảo	4.100.000.000	4.100.000.000
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH Mtv Quốc Tế Chailease	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đình Thông	4.518.000.000	4.518.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Phan Gia Huy	1.375.000.000	1.375.000.000
Công ty TNHH Dvtm Sang Hoàng Long	4.221.000.000	4.221.000.000
Công ty TNHH Mtv Tự Động Hóa Hưng Thạnh	6.267.000.000	6.267.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tân Á Châu	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Tam Hợp	1.519.500.000	1.604.000.000
Ban Qlduđtbtb Nâng Cao Năng Lực- Cty TNHH Mtv Báo Hải Phòng	4.710.000.000	4.710.000.000
Khách hàng khác	14.563.970.214	14.312.441.738
* Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	256.000.004	220.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thiên Định	220.000.000	220.000.000
Trung tâm mạng lưới Mobiphone miền Nam	36.000.004	
- Cộng	78.093.898.305	80.585.599.743

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

3.2. Phải thu của khách hàng dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	79.596.960	79.596.960
Công ty TNHH SX TM DV Quảng Cáo Nghiệp Thắng	50.000.000	50.000.000
Đài Phát Thanh Truyền Hình Kiên Giang	10.949.840	10.949.840
Tỉnh Sóc Trăng	10.647.120	10.647.120
Xí Nghiệp Chăn Nuôi Đồng Hiệp	8.000.000	8.000.000
- Cộng	79.596.960	79.596.960

4. Nợ khó đòi và nợ quá hạn

*** Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi (TK 131)	18.007.187.630	15.586.723.202	16.201.852.650	12.738.968.473
Xí nghiệp In Số 3 chuyển về Tcty năm 2004	798.003.856	797.853.706	798.003.856	797.853.706
Cty Vật phẩm VH chuyển về Tcty năm 2008	194.653.298		194.653.298	
Cty In VH chuyển về Tcty năm 2025	1.805.334.980			
Công Ty CP Phát triển BDS Hi Tien Land	3.193.379.674	3.193.379.674	3.193.379.674	3.193.379.674
Công ty TNHH TM Bách Tùng	10.986.490.982	10.986.490.982	10.986.490.982	8.138.736.253
Công ty TNHH TMDV Phụng Sơn	608.998.840	608.998.840	608.998.840	608.998.840
Công ty CP Đầu tư Đô thị Á Châu	330.000.000		330.000.000	
Khách hàng khác	90.326.000		90.326.000	
Nợ khó đòi (TK dư Nợ 331)	8.459.753.931	8.361.263.747	8.459.753.931	8.361.263.747
Công Ty Cổ Phần CT Phương Nam	8.361.263.747	8.361.263.747	8.361.263.747	8.361.263.747
CN Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC	16.500.000		16.500.000	
Công ty CP xây dựng và kinh doanh Địa ốc III	70.902.784		70.902.784	
Công ty TNHH công nghệ A.N.S.I	11.087.400		11.087.400	
Nợ khó đòi (TK 1388)	1.976.514.308	-	1.413.090.809	-
Công Ty CP Mai Lan	1.219.416.008		1.219.416.008	
Xí nghiệp In Số 3 chuyển về Tcty năm 2004	8.389.440		8.389.440	
Cty Vật phẩm VH chuyển về Tcty năm 2008	76.791.264		76.791.264	
Cty In VH chuyển về Tcty năm 2025	563.423.499			
Công ty CP In và Thương mại Vina	108.494.097		108.494.097	
Nợ quá hạn (TK 3388)	157.707.195	157.707.195		
Cty In VH chuyển về Tcty năm 2025	157.707.195	157.707.195		
Nợ quá hạn (TK 131)	2.411.260.914	2.034.655.914	3.444.914.914	2.034.655.914
Công ty TNHH Emka	1.003.945.250	1.003.945.250	1.003.945.250	1.003.945.250
Công ty TNHH Phan Thanh	645.843.541	645.843.541	645.843.541	645.843.541
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	384.867.123	384.867.123	384.867.123	384.867.123
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease			1.033.654.000	
Khách hàng khác	376.605.000		376.605.000	
Nợ quá hạn (TK 1388)	4.591.136.689	1.117.500.000	5.605.483.280	
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	4.591.136.689	1.117.500.000	4.591.136.689	
Công ty CP Quốc tế C & T (Liên hiệp quốc)			1.014.346.591	
- Cộng	35.603.560.667	27.257.850.058	35.125.095.584	23.134.888.134

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

*** Công ty In Văn Hóa Sài Gòn**

	31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi	3.631.973.101	686.939.962	6.158.438.775	686.939.962
Công Ty CP DV TM & Quảng Cáo Sta	413.163.268		413.163.268	
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	371.273.352		371.273.352	
Công ty Prime Resources Media	339.455.602		339.455.602	
Công ty TNHH SX & TM BBVPVH XD Minh Việt Long	184.854.900	184.854.900	184.854.900	184.854.900
Công ty TNHH MTV Chung Bình Minh	47.920.900	47.920.900	47.920.900	47.920.900
NXB Phương Đông	154.715.500		154.715.500	
PHân xưởng II Đào Duy Từ 1998			168.158.000	
Công ty TNHH Hệ thống Lộc Tài	261.592.258		261.592.258	
Công Ty TNHH TM & DV In QC Minh Trí	840.219.620	100.000.000	840.219.620	100.000.000
Công ty TNHH SX TM & DV Vạn An	264.371.097	264.371.097	264.371.097	264.371.097
Công ty CP Ứng Dụng Công Nghệ Xuân Huy	30.656.001	21.459.201	30.656.001	21.459.201
Công ty TNHH IT Code	52.290.000	26.145.000	52.290.000	26.145.000
Tạp chí nông thôn mới - CQĐD phía Nam	53.745.000	26.872.500	53.745.000	26.872.500
Khách vắng lại - Trầm Lê	21.880.520	15.316.364	21.880.520	15.316.364
Phải thu khách hàng in 6			916.568.640	
Phải thu khách hàng khác	335.835.083		1.056.443.423	
Võ Thành Toàn (TK 1388)	260.000.000		260.000.000	
Phải thu khác in 6 (TK 1388)			563.423.499	
Các khoản phải trả phải nộp khác dư nợ in 6 (TK 3388)			157.707.195	
Nợ quá hạn	3.298.565.535		3.476.769.827	
Công ty TNHH SX Aroma			174.329.292	
Công ty CP SX & PT TM Hà Anh	599.539.863		599.539.863	
Công ty TNHH Quảng Cáo Mộc An	295.749.500		299.624.500	
Bành Minh Khương	759.541.900		759.541.900	
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	884.681.000		884.681.000	
Công ty TNHH MTV NXB Nông Nghiệp	244.616.250		244.616.250	
Khách hàng khác	514.437.022		514.437.022	

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

*** Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ quá hạn từ 2 năm trở lên	39.536.056.788	9.169.090.909	23.071.545.209	-
Công Ty TNHH Thương Mại Nhất Thống	205.176.529		255.176.529	
Công ty TNHH In Bb Trung Đức	295.480.648		295.480.648	
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sản Xuất In Thiên Ngôn	695.309.423		695.309.423	
Công Ty TNHH Tmsx Xnk Thuận Tuyền Giấy	525.128.811		525.128.811	
Công Ty Cổ Phần Vạn Thiên	429.138.845		435.138.845	
Công ty TNHH MTV Tự động hóa Hưng Thạnh	6.267.000.000		6.267.000.000	
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Đình Thông	4.518.000.000	3.550.000.000	4.518.000.000	
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Phan Gia Huy	1.375.000.000		1.375.000.000	
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sang Hoàng Long	4.221.000.000	2.369.090.909		
Công Ty TNHH TM DV ĐT Hoàng Trúc	987.800.000		987.800.000	
Công Ty TNHH Bao bì Liên Kết	445.000.000		445.000.000	
Công ty TNHH DV TM Nhật Vy	331.933.682		331.933.682	
Công ty CP In & DV TM Phúc An	600.000.000		600.000.000	
Công ty TNHH DV In Tường Nguyên	320.000.000		320.000.000	
Công ty CP PT Thương hiệu Trần Gia	208.100.000		208.100.000	
Công ty TNHH SX DV Thái An	209.221.180		209.221.180	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.400.000.000		1.400.000.000	
Công ty Minh Dương - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	200.250.000		200.250.000	
Công ty TNHH DV Song Nguyễn	213.477.338		213.477.338	
Công ty SX TM DV Tam Hợp	1.519.500.000		1.754.000.000	
Công ty TNHH TM DV Tân Chí Bảo	4.100.000.000			
Công ty TNHH MTV Tân Á Châu	3.250.000.000	3.250.000.000		
Ban QLDUĐTBTB Nâng cao năng lực - Công ty TNHH MTV Báo Hải Phòng	4.710.000.000			
Khách khách hàng khác	2.024.040.332		2.035.528.753	
Tk 1388 - Công ty TNHH ĐT PT TM Quốc Vũ	485.500.000			

7915
CHÍNH
MIỀN
NG TỶ
CÁN V
NG
T.D
T.P

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ khó đòi	3.075.757.436	645.867.750	3.075.757.436	645.867.750
Anh A Mạnh (Campuchia)	393.000.000		393.000.000	
Pictoriala Inc	111.700.000		111.700.000	
Công Ty Cp Tm Dv Xnk Phước Lộc Thọ	380.000.000	115.867.864	380.000.000	115.867.864
Công Ty TNHH TV SX & TM Thủy Nguyệt	529.999.886	529.999.886	529.999.886	529.999.886
Công ty TNHH Quảng Cáo Hoàng Hà	200.000.000		200.000.000	
Khách hàng khác	1.123.159.182		1.123.159.182	
Tk 1388 - Công ty TNHH MSC Việt Nam	6.000.000		6.000.000	
Tk 1388 - Công ty TNHH Tac - Paritas	326.898.368		326.898.368	
Tk 1388 - Công ty TNHH Hàng Hải LK VN	5.000.000		5.000.000	
Nợ không có khả năng thanh toán	3.218.285.838	-	3.218.285.838	-
Công Ty Cổ Phần In Trần Hưng	380.000.000		380.000.000	
Công ty TNHH MTV In Ấn Bao Bì Lê Gia	276.462.935		276.462.935	
Công ty TNHH Quảng Cáo Thanh Long	256.890.699		256.890.699	
Vongsath Printing House	534.167.750		534.167.750	
Khách hàng khác	1.753.764.454		1.753.764.454	
Tk 1388 - Nguyễn Văn Bánh	17.000.000		17.000.000	
- Cộng	6.294.043.274	645.867.750	6.294.043.274	645.867.750

* Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	299.596.960		299.596.960	
- Công ty CP Đầu Tư Thiên Định	220.000.000		220.000.000	
- Công ty TNHH SX TM DV Quảng Cáo Nghiệp Thắng	50.000.000		50.000.000	
- Đài Phát Thanh Truyền Hình Kiên Giang	10.949.840		10.949.840	
- Tỉnh Sóc Trăng	10.647.120		10.647.120	
- Xí Nghiệp Chăn Nuôi Đồng Hiệp	8.000.000		8.000.000	
Phải thu khác	137.079.570		137.079.570	
- Nhân viên Nguyễn Hữu Quang	62.654.028		62.654.028	
- Nhân viên Thái Thành Công	29.391.800		29.391.800	
- Nhân viên Trương Quốc Định	45.033.742		45.033.742	
Trả trước cho người bán	12.000.000		12.000.000	
- Công ty TNHH XD TM DV XNK Bảo Ngọc Sài Gòn	10.000.000		10.000.000	
- Trần Văn Thôi	2.000.000		2.000.000	
Tổng	448.676.530	-	448.676.530	-

3-001-C
ANH
AM
TNHH
ĐÌNH CHI
ÔNG
S. CH. V.

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

5. Trả trước cho người bán

5.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	306.828.653	279.584.740
Công ty CP xây dựng và kinh doanh Địa ốc III	70.902.784	70.902.784
Văn phòng luật sư Chiêu Dương	125.000.000	125.000.000
- Các khoản phải trả trước cho người bán khác	110.925.869	83.681.956
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	-	22.500.000
Công ty TNHH XD TM Môi trường		22.500.000
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	712.410.000	712.410.000
Công ty Chứng Khóan Ngân Hàng Đồng Á	63.800.000	63.800.000
Công ty TNHH Dvtm Sang Hoàng Long	308.000.000	308.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Hoàng Trúc	192.000.000	192.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Isp	148.610.000	148.610.000
* Khách hàng của Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	-	-
- Cộng	1.019.238.653	1.014.494.740

5.2. Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	16.503.316.210	16.503.316.210
Công Ty Cổ Phần CT Phương Nam	16.486.816.210	16.486.816.210
CN Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC	16.500.000	16.500.000
* Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	62.000.000	62.000.000
Bảo Tàng Tp.HCM	50.000.000	50.000.000
Cty CP Xây Dựng TMDV - XNK Bảo Ngọc Sài Gòn	10.000.000	10.000.000
Trần Văn Thôi	2.000.000	2.000.000
- Cộng	16.565.316.210	16.565.316.210

6. Các khoản phải thu khác

6.1. Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Phải thu về cổ phần hóa	71.908.727	71.908.727
- Ký cược, ký quỹ	-	81.197.556
- Các khoản tạm ứng	604.767.060	702.182.940
- Phải trả, phải nộp khác dư Nợ	357.707.195	907.707.195
- Phải thu khác	41.064.791.666	51.721.012.066
+ Công Ty Cổ Phần In Số 4	16.200.000.000	16.200.000.000
+ Công ty CP In Số 7		3.510.000.000
+ Công Ty CP Quốc Tế Truyền thông (IMC)	1.699.734.169	1.699.734.169
+ Công Ty Cổ Phần Mai Lan	1.219.416.008	1.219.416.008
+ Công Ty Cổ Phần Quốc Tế C&T (Liên Hiệp Quốc)	4.714.420.111	4.714.420.111
+ Công ty Cổ Phần Phát Hành Sách TP.HCM - FAHASA		3.499.963.200
+ Phải thu đối tượng khác	17.231.221.378	20.877.478.578
- Cộng	42.106.549.125	53.514.996.939

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.2. Các khoản phải thu khác dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Ký cược, ký quỹ	28.000.000	28.000.000
- Phải thu khác	2.810.676.487	2.836.870.653
+ Cây sứ quán Phong Cua	25.000.000	125.000.000
+ Công ty CP Sài Gòn Quê Hương	1.950.235.833	1.950.235.833
+ Công ty CP GT- Phát hành phim - Rạp chiếu phim Ngôi Sao	500.000.000	500.000.000
+ Đối tượng khác	335.440.654	261.634.820
- Cộng	2.838.676.487	2.864.870.653

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.935.039.763		2.021.553.733	
- Chi phí SXKDDD	3.436.281.790	(263.226.772)	3.358.342.386	(263.226.772)
- Thành phẩm nhập kho	623.067.001		680.645.024	
- Giá mua hàng hóa	61.001.588.753		54.103.052.089	
- Cộng	66.995.977.307	(263.226.772)	60.163.593.232	(263.226.772)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
- Mua sắm tài sản cố định	335.720.000	1.585.720.000
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Cộng	335.720.000	1.585.720.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	590.043.849.830	60.086.515.157	5.499.641.382	9.387.594.728	665.017.601.097
Mua trong năm		202.200.000			202.200.000
Đầu tư XDDB hoàn thành		1.250.000.000			1.250.000.000
Thanh lý, nhượng bán		(3.369.341.039)	(631.761.818)		(4.001.102.857)
Số dư cuối năm	590.043.849.830	58.169.374.118	4.867.879.564	9.387.594.728	662.468.698.240
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	161.248.210.405	45.872.330.346	5.456.690.911	9.387.594.728	221.964.826.390
Khấu hao trong năm	16.364.592.552	2.644.839.639	5.619.948		19.015.052.139
Thanh lý, nhượng bán		(3.369.341.039)	(594.431.295)		(3.963.772.334)
Số dư cuối năm	177.612.802.957	45.147.828.946	4.867.879.564	9.387.594.728	237.016.106.195
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	428.795.639.425	14.214.184.811	42.950.471	-	443.052.774.707
Tại ngày cuối năm	412.431.046.873	13.021.545.172	-	-	425.452.592.045

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Table with 6 columns: Nguyên giá, Chi phí thành lập, Quyền sử dụng đất, Phần mềm, Tài sản vô hình khác, Tổng cộng. Rows include: Nguyên giá, Số dư đầu năm, Mua trong năm, Số dư cuối năm, Giá trị hao mòn lũy kế, Số dư đầu năm, Khấu hao trong năm, Số dư cuối năm, Giá trị còn lại, Tại ngày đầu năm, Tại ngày cuối năm.

11. Chi phí trả trước

Table with 3 columns: Chi phí trả trước ngắn hạn, 31/12/2025, 01/01/2025. Rows include: Tiền thuê đất, Các khoản khác, Cộng.

11.2. Chi phí trả trước dài hạn

Table with 3 columns: Chi phí trả trước dài hạn, 31/12/2025, 01/01/2025. Rows include: Tiền thuê đất, Tiền thuê cơ sở hạ tầng, Các khoản khác, Cộng.

12. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Table with 3 columns: Thuế và các khoản phải thu Nhà nước, 31/12/2025, 01/01/2025. Rows include: Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân, Thu trên vốn, Thuế nhà đất, tiền thuê đất, Cộng.

13. Vay và nợ thuê tài chính

Table with 5 columns: Khoản mục, Tại ngày 31/12/2025 (Giá trị, Số có khả năng trả nợ), Tại ngày 01/01/2025 (Giá trị, Số có khả năng trả nợ). Rows include: Vay ngắn hạn, - Vay Agribank.

**TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	31.743.063	103.608.578
Công ty cổ phần DV Điện tử Việt	28.395.928	85.187.784
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành		18.420.794
Công ty TNHH Đầu tư XD An Phú Vinh	3.347.135	
* Công ty In Văn Hóa Sài Gòn	2.471.821.945	4.011.061.355
Công ty VP SX TM DV Khai Trí	109.790.856	43.117.920
Công ty TNHH TM DV SX Giấy Khải Hoàn	176.463.537	-
Công ty CP SX TM Giấy Mê Kông	135.062.311	543.179.276
Công ty CP Đầu tư Quảng cáo Song Hành	272.160.000	-
Công ty CP Giấy Toàn Lực	1.132.683.946	1.733.421.024
Công ty TNHH MTV Thu Cường	213.369.360	213.369.360
Công ty CP In Vườn Lài	-	193.569.005
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đông Thịnh Win	-	258.796.296
Công ty TNHH DV TM In Thuận Lợi	12.096.000	595.543.860
Nhà Cung Cấp Khác	420.195.935	430.064.614
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	1.835.406.997	1.045.411.283
Công ty TNHH TM SX XNK Thuận Tuyền Giấy	362.093.963	362.093.963
Công ty TNHH Tm Và Sx Cơ Khí Nhựa Minh Đạt	124.746.320	124.746.320
Cuu Long Trading Corp		527.571.000
Công ty CP Giấy MH	491.010.277	
Công ty CP SXTM Giấy Mê Kông	208.004.449	
Công ty TNHH Tac - Paritas	618.551.988	
Công ty TNHH Cơ Khí Kim Loại Sỹ Quang	31.000.000	31.000.000
* Công nợ của Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	-	-
- Cộng	4.338.972.005	5.160.081.216

15. Người mua trả tiền trước

15.1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
* Văn phòng Tổng Công ty Văn Hóa	3.000.000	3.000.000
Công ty TNHH XNK và TM An Phương	3.000.000	3.000.000
* Công ty XNK Ngành In Tp.Hồ Chí Minh	85.320.000	-
Công ty TNHH Nguyễn Quang Huy	60.480.000	
Công ty cổ phần Phát Tài	24.840.000	
* Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	50.000.000	49.999.400
Sở Văn Hóa & Thể Thao Tp. HCM	50.000.000	49.999.400
- Cộng	138.320.000	52.999.400

15.2. Người mua trả tiền trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Communication Cream	4.200.000	4.200.000
- Cộng	4.200.000	4.200.000

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2025
- Thuế GTGT đầu ra - TCT	(242.513.729)	5.364.328.296	5.682.894.164	(561.079.597)
- Thuế GTGT đầu ra - Phim NĐC	175.266.817	200.887.261	327.990.058	48.164.020
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	310.651.200	310.651.200	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	60.912.000	60.912.000	-
- Thuế TNDN - TCT	(93.000.000)			(93.000.000)
- Thuế TNDN - Phim NĐC	4.057.270	2.893.125	6.950.395	-
- Thuế TNCN - TCT	(155.084.199)	633.177.707	525.041.537	(46.948.029)
- Thuế TNCN - Phim NĐC	1.547.954	6.779.490	8.327.444	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất - TCT	(483.236.039)	35.487.699.285	45.194.726.885	(10.190.263.639)
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất - Phim NĐC	844.398.957	568.653.350	464.550.367	948.501.940
- Thu trên vốn	(800.574.741)			(800.574.741)
- Các loại thuế khác	500.000	17.000.000	17.000.000	500.000
- Thuế, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(95.707.902)	96.123.590	415.688	-
- Cộng	(844.345.612)	42.749.105.304	52.599.459.738	(10.694.700.046)

17. Phải trả khác

17.1. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Kinh phí công đoàn;	55.554.416	-
- Bảo hiểm xã hội;	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.257.437.789	2.122.025.353
- Các khoản phải thu khác dư có	9.187.693	679.762.913
- Cộng	2.322.179.898	2.801.788.266

17.2. Phải trả khác dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.002.100.000	6.504.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	267.353.237.578	278.057.644.124
+ Công ty CP Sài Gòn Quê Hương	265.487.018.891	276.091.425.437
+ Công Ty CP Quốc Tế Truyền thông (IMC)	50.000.000	50.000.000
+ Đối tượng khác	1.816.218.687	1.916.218.687
- Cộng	274.355.337.578	284.561.744.124

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
- Doanh thu nhận trước	134.006.855.526	139.218.162.103
+ Công trình 30-32 Yersin	45.456.058.823	47.981.395.427
+ Công trình 62 Trần Quang Khải	85.792.004.757	88.391.762.481
+ Dự án 369 Lê Văn Sỹ	2.758.791.946	2.845.004.195
- Cộng	134.006.855.526	139.218.162.103

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc VCHS	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	394.167.633.424	263.230.853	46.409.177.102	-	(91.987.354)	440.748.054.025
Lãi trong năm trước					5.194.598.794	5.194.598.794
Tăng khác			864.165.546	24.405.224.084		25.269.389.630
Giảm vốn trong năm trước						-
Giảm khác			(24.405.224.084)	(24.405.224.084)	(1.740.819.106)	(50.551.267.274)
Số dư cuối năm trước	394.167.633.424	263.230.853	22.868.118.564	-	3.361.792.334	420.660.775.175
Số dư đầu năm nay	394.167.633.424	263.230.853	22.868.118.564	-	3.361.792.334	420.660.775.175
Lãi trong năm					6.583.102.427	6.583.102.427
Tăng khác			1.531.651.135			1.531.651.135
Giảm khác					(5.105.503.785)	(5.105.503.785)
Số dư cuối năm	394.167.633.424	263.230.853	24.399.769.699	-	4.839.390.976	423.670.024.952

Chi tiết khoản giảm khác:

Giảm khác là trích lập các quỹ và chuyển lợi nhuận nộp NSNN

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
102.143.835.688	95.710.015.510
102.143.835.688	95.710.015.510

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại.
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
-	69.967.444
7.696.960	-
7.696.960	69.967.444

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
41.900.471.574	41.186.130.628
-	-
41.900.471.574	41.186.130.628

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
714.609.533	490.676.249
16.317.253.659	21.575.554.520
67.981.050	11.349.486
17.099.844.242	22.077.580.255

4. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
301.811.888	974.172.785
-	27.328.005
317.651.888	1.001.500.790

5. Thu nhập khác

- Thu thanh lý TSCĐ
- Thu bán phế liệu
- Thu HTKD
- Các khoản khác
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
742.363.636	71.640.909
129.430.264	195.442.937
1.263.234.003	1.187.727.275
12.607.870.465	4.855.696.944
14.742.898.368	6.310.508.065

6. Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý, nhượng bán
- Các khoản bị phạt
- Các khoản khác
- Cộng

Năm 2025	Năm 2024
37.330.523	17.443.589
1.646.037.086	9.186.322
95.707.902	13.477
1.779.075.511	26.643.388

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

7.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí nhân viên quản lý	12.967.453.099	11.211.927.437
- Chi phí vật liệu quản lý	-	3.890.064
- Chi phí đồ dùng văn phòng	219.836.521	128.253.740
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.123.956.372	16.123.956.372
- Thuế, phí và lệ phí	25.597.264.437	18.879.698.425
- Chi phí dự phòng	12.174.552.833	13.748.048.819
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.092.078.668	6.595.802.774
- Chi phí bằng tiền khác	6.073.800.012	5.831.717.133
- Cộng	80.248.941.942	72.523.294.764

7.2. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí nhân viên	1.683.002.963	1.708.103.021
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	551.352.876	582.945.301
- Chi phí bảo hành	44.500.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	467.070.601	1.414.681.373
- Chi phí bằng tiền khác	400.818.431	374.179.864
- Cộng	3.146.744.871	4.079.909.559

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.667.382.961	23.804.255.333
- Chi phí nhân công	19.535.231.741	18.247.756.499
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.027.761.759	18.992.472.314
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.670.672.552	16.962.568.708
- Chi phí khác bằng tiền	46.522.759.977	40.062.408.667
- Cộng	126.423.808.990	118.069.461.521

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		4.057.270
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	2.893.125	12.001.193
- Cộng	2.893.125	16.058.463

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm 2025	Năm 2024
Công ty CP In 4	Công ty liên kết	- Cổ tức	972.000.000	810.000.000
Công ty CP In 7	Công ty liên kết	- Cổ tức	2.040.000.000	5.940.000.000
Công ty CP Phát Hành Sách Tp.Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	- Cổ tức	4.277.732.800	6.999.926.400
Công Ty CP In Vườn Lài	Công ty liên kết	- Cổ tức	60.000.000	37.500.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha	Công ty liên kết	- Cổ tức	625.164.937	227.480.000
Công ty CP In & Vật tư Sài Gòn	Công ty liên kết	- Cổ tức	204.732.000	378.000.000
Công ty TNHH HAKUHODO-SAC	Công ty liên kết	- Lợi nhuận	378.000.000	6.083.413.812
Cty CP Bao Bì Vafaco	Công ty liên kết	- Cổ tức	7.203.264.422	189.000.000
Cty TNHH Hakuhodo Việt Nam	Công ty liên kết	- Lợi nhuận	189.000.000	542.874.808
Công ty CP In Gia Định	Công ty liên kết	- Cổ tức	240.000.000	240.000.000
Công ty CP sách & dịch vụ văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	- Cổ tức	127.359.500	127.359.500

Tại 31/12/2025, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư (VND)	
			31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP In 4	Công ty liên kết	- Phải thu cổ tức	16.200.000.000	16.200.000.000
Công ty CP In 7	Công ty liên kết	- Phải thu cổ tức		4.050.000.000
Công ty CP Phát Hành Sách Tp.Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	- Phải thu cổ tức		3.499.963.200
Công ty TNHH MTV Phim Nguyễn Đình Chiểu	Công ty con	- Phải thu khác '- Phải thu tiền hàng	4.591.136.689 384.867.123	4.591.136.689 384.867.123

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN - CÔNG TY TNHH MTV
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)
Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

2. Thông tin khác

Tính đến thời điểm 31/12/2025, đơn vị đã nộp tiền thuê đất, đang sử dụng và kinh doanh các mặt bằng như sau:

STT	Địa chỉ
1	387 - 389 Hai Bà Trưng, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
2	369 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3, Tp Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
3	774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
4	87 đường số 9, P. Phước Bình, Tp.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
5	MB đường Nam Hòa, P.Phước Long A, Tp.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh (Primexco)
6	203 Bình Quới, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
7	51 - 53 Phó Cơ Điều, P.6, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
8	62 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
9	59 - 61 Pasteur, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
10	30 - 32 Yersin, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
11	88 Trần Đình Xu, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
12	86 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
13	112 Lê Thánh Tôn, P.Bến Thành, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
14	271 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM (Tổng Công ty)
15	391 -391A Trần Hưng Đạo, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
16	173 Cô Giang, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
17	27 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
18	155 Đào Duy Từ, P.6, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh (In Văn Hóa)
19	412/12-18 Nguyễn Chí Thanh, P.6, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh (In Văn Hóa)
20	184 Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh (In Văn Hóa)
21	4 Tân Thành, P.12, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh (In Văn Hóa)
22	160 Dương Tử Giang, P.15, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh (In Văn Hóa)
23	63 - 65 Châu Văn Liêm, P.14, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh (Tổng Công ty)
24	207 Đinh Tiên Hoàng, P.Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh (Phim Nguyễn Đình Chiểu)
25	6 Ngô Thời Nhiệm, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh (Phim Nguyễn Đình Chiểu)

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH TƯỜNG KHANH

Tổng Giám Đốc



TRƯƠNG VĂN HIỀN